

VỀ ĐẶC ĐIỂM NGŨ NGHĨA CỦA CÁC TỪ LÁY BIỂU ĐẠT MÀU SẮC KIỂU "YẾU TỐ CHỈ MÀU + YẾU TỐ LÁY" TRONG TIẾNG VIỆT

ABOUT THE SEMANTIC CHARACTERISTICS OF REDUPLICATIVE WORDS OF COLOR IN PATTERN "EXPRESSIVE COLOR ELEMENTS + REDUPLICATIVE FACTORS" IN VIETNAMESE

Nguyễn Thị Liên

Trường Đại học Phú Yên; ngoclienpy@gmail.com

Tóm tắt - Hệ thống từ ngữ chỉ màu sắc trong tiếng Việt thu hút sự quan tâm của các nhà ngôn ngữ học nói chung và các nhà Việt ngữ nói riêng. Ở cấp độ từ, phạm trù màu theo cách tri nhận của người Việt bao gồm các thuộc tính được từ vựng hóa bởi một số lượng từ biểu thị cụ thể thuộc tính của màu sắc. Các đơn vị biểu đạt màu sắc trong tiếng Việt tuy rất phong phú, rất đa dạng song vẫn tuân theo các phương thức tạo từ. Phát hiện và nắm được các quy luật, mô hình biểu đạt này chính là hướng sáng tạo nên nhiều cách biểu đạt màu sắc gắn liền với sự vật hiện tượng vốn vô cùng đa dạng, phát triển không ngừng trong thực tế. Mỗi đơn vị, kiểu cấu trúc biểu đạt màu đều ẩn chứa cách nhìn, quan niệm của người Việt về thế giới xung quanh. Tìm hiểu đặc điểm ngữ nghĩa của các từ láy biểu đạt màu sắc kiểu "yếu tố chỉ màu + yếu tố láy" trong tiếng Việt là mong muốn của chúng tôi trong bài viết này.

Từ khóa - từ ngữ; màu sắc; hệ thống; ngữ nghĩa; cấu trúc biểu đạt

1. Đặt vấn đề

Cùng với một số tiểu hệ thống từ vựng ngữ nghĩa khác, hệ thống từ ngữ chỉ màu sắc trong tiếng Việt rất phong phú và đa dạng. Giải thích điều này, các nhà ngôn ngữ học thường hay nhắc đến lý thuyết ngôn ngữ về mảng hiện thực được tri nhận thông qua việc định danh từ vựng, tức việc xác định các trường từ vựng ngữ nghĩa trên cơ sở quy chiếu hiện thực mà ngôn ngữ đó cảm nhận. Bởi lẽ, màu sắc, như chúng ta biết, là một thuộc tính của vật thể, tồn tại một cách khách quan trong thế giới vật chất. Song sự nhận thức và phân biệt màu sắc lại có tính chủ quan đối với từng cộng đồng người nhất định, với những nét văn hoá nhất định.

Ở cấp độ từ, phạm trù màu theo cách chia cắt của người Việt bao gồm một số thuộc tính được từ vựng hóa bởi một số lượng từ đủ để biểu thị cụ thể thuộc tính của màu ấy. Do vậy, mặc dù đã có tên gọi "xanh" chỉ màu xanh nói chung, tiếng Việt, đồng thời lại có cả các hình thức: *xanh da trời*, *xanh lá cây*, *xanh lá mạ*... để gọi tên các màu được coi là màu phụ của màu xanh. Mặt khác, các thuộc tính về màu cũng được ghi nhận hết sức cụ thể bằng phương thức ghép một yếu tố chỉ phạm trù và một yếu tố chỉ sắc độ, hoặc ghép một yếu tố chỉ phạm trù và yếu tố láy kiểu "trắng lôm lôm", "xanh biêng biếc"... hai phương thức cấu tạo từ vốn được xem là không thể thiếu khi nghiên cứu các lớp từ tiếng Việt về mặt cấu tạo. Với cách biểu đạt ấy, số lượng từ biểu đạt màu sắc trong tiếng Việt có khả năng phát triển không ngừng theo sự tri nhận các sắc độ khác nhau của từng phạm trù màu nói riêng và thế giới màu sắc nói chung được ghi nhận dựa trên cảm nhận thị giác và quan điểm truyền thống của người Việt, vốn tồn tại và luôn luôn biến đổi không ngừng. Với mong muốn đem lại một cái nhìn tương đối "trọn vẹn" về đặc điểm ngữ nghĩa của hệ thống từ ngữ biểu đạt màu sắc

Abstract - Much attention has been paid to the word system denoting color in Vietnamese by philologists in general and Vietnamese philologists in particular. At the level of words, color categories in the Vietnamese cognitive way includes the properties lexicalised by a number of the words specifically indicating the attribution of color. The expressive color units in Vietnamese are not only plentiful and diverse but also adhere to the method of forming words. Discovering and deeply understanding the rules and expression patterns are making color expression innovations associated with phenomena which are extremely diverse, and continuously developing in practice of life. Each unit and expressive color structure type contain views and notions of Vietnamese people about the world around them. Therefore, researching deeply on the semantic characteristics of reduplicative words of color in the pattern "expressive color elements + reduplicative factors" in Vietnamese is our focus in this article.

Key words - words; color; system; semantics; structure of indication

trong tiếng Việt, ở bài viết này, chúng tôi hướng sự quan tâm vào một phạm vi nhỏ, tìm hiểu đặc điểm ngữ nghĩa của cấu trúc biểu đạt màu sắc kiểu "yếu tố chỉ màu + yếu tố láy" trong tiếng Việt.

2. Giải quyết vấn đề

Cấu trúc biểu đạt màu kiểu "yếu tố chỉ màu + yếu tố láy" bao gồm hàng loạt các từ biểu đạt màu sắc hình thành trên cơ sở lấy lại hình thức ngữ âm của các tính từ biểu đạt màu sắc như: *xam xám*, *đỏ đỏ*, *tim tím*, *trắng trắng*, *hồng hồng*, *đen đen* và các từ có hình thức lấy lại các yếu tố chỉ sắc độ của các từ biểu đạt màu sắc kiểu: *trắng lôm lôm*, *trắng phau phau*, *đỏ hây hây*, *đỏ hây hây*, *đỏ hơn hơn*, *đỏ dòng dòng*... Đây là những đơn vị "được hình thành do sự lặp lại hoàn toàn hay lặp lại có kèm theo những biến đổi ngữ âm nào đó của từ đã có, chúng vừa có sự hài hoà về ngữ âm, vừa có giá trị gọi, cảm gọi tả" [4, tr.126].

Như vậy, đặc điểm nổi bật của các từ biểu đạt màu sắc có cấu trúc kiểu "yếu tố chỉ màu + yếu tố láy" là sự hài hoà về mặt ngữ âm giữa hai yếu tố bộ phận: "yếu tố chỉ màu", "yếu tố chỉ màu + sắc độ" và "yếu tố láy". Cụ thể là phương thức lấy lại toàn bộ hay một bộ phận hình thức âm tiết với thanh điệu giữ nguyên hay biến đổi theo quy tắc biến thanh, tức quy tắc thanh điệu biến đổi theo hai nhóm: nhóm cao (thanh hỏi, thanh sắc, thanh ngang) và nhóm thấp (thanh huyền, thanh ngã, thanh nặng) của đơn vị có nghĩa. Nếu căn cứ vào hình thức và ý nghĩa của yếu tố láy trong cấu trúc biểu đạt màu sắc kiểu này, có thể chia các từ láy biểu đạt màu sắc có cấu trúc lấy thành hai nhóm nhỏ:

+ Nhóm thứ nhất: bao gồm các từ được cấu tạo theo phương thức lấy, lặp lại toàn bộ hoặc có sự biến đổi ngữ âm hình thức âm tiết của các tính từ biểu đạt màu trong tiếng

Việt - vốn hầu như đều có khả năng “nhân đôi” tạo nên hàng loạt các từ biểu đạt màu sắc với ý nghĩa giảm nhẹ, “loang” ra của độ màu. Chẳng hạn: *tím tím, đỏ đỏ, trắng trắng, xanh xanh, nâu nâu, hồng hồng, hung hung, vàng vàng, đen đen, xám xám, lam lam, ngà ngà, nâu nâu...*

Các từ thuộc nhóm này chỉ bao gồm hai âm tiết, trong đó, âm tiết “có nghĩa” tức âm tiết chỉ màu có một vị trí tương đối linh động: có thể đứng trước yếu tố láy (*vàng vàng, đen đen, hung hung*) đồng thời cũng có thể đứng sau yếu tố láy (*xám xám, đỏ đỏ, trắng trắng...*)

Ví dụ: “*Bầu trời tắt gió càng về quá trưa càng đặc sánh. Thấy ghen thờ. Trời **vàng vàng** cái mặt màu da đồng*”.

“*Hòn đảo gần hòn đảo xa, chỉ còn mờ mờ **xám xám** cái chót đỉnh, còn chân đảo thì đã mất trong cái mịt mù của bụi muối ẩm*”.

(**Cô Tô** – Nguyễn Tuân)

“*Hoa cà **tím tím***

*Hoa mướp **vàng vàng***

Hoa lựu chói chang

Đỏ như đóm lửa”

(**Hoa kết trái** – Thu Hà)

+ Nhóm thứ hai: bao gồm các từ được cấu tạo theo phương thức láy, có hình thức lặp lại toàn bộ hoặc có sự biến đổi hình thức ngữ âm của yếu tố chỉ sắc độ trong các hình thức biểu đạt màu kiểu: *trắng phau phau, trắng lôm lôm, xanh thắm thắm, đỏ hon hon, đỏ quành quạch, đỏ chon chót, đỏ đồng doc, đỏ hoen hoét, đỏ hây hây, đỏ lôm lom, đen nhưng nhừn, đen nhem nhem, đen thui thui, đen lay láy, đen kìn kịt, xanh biêng biếc, xanh ngấn ngắt, xanh roi rói ...* xuất hiện khá nhiều trong các tác phẩm văn học

“*Xanh cây xanh cỏ xanh đôi*

Xanh rừng xanh núi da trời cũng xanh

Áo chàm cô mán thanh thanh

*Mắt **xanh biêng biếc** một mình tương tư*”

(**Vài nét rừng** – Nguyễn Bính)

“*Buổi chiều **vàng dưng dục** trên hòn đảo, cũng như biển bão đang dục ngầu quanh trụ sở hợp tác xã Tô Bắc*”

(**Cô Tô** – Nguyễn Tuân)

Nếu ở nhóm một, vị trí của “yếu tố chỉ màu” có thể bắt gặp hầu hết các từ đơn biểu đạt màu sắc trong tiếng Việt, thì trong các từ biểu đạt màu sắc kiểu láy lại yếu tố sắc độ này chỉ có một số lượng hữu hạn các từ biểu đạt màu sắc có yếu tố chỉ sắc độ có thể đảm nhiệm vị trí này. Màu “*trắng*” chẳng hạn, có rất nhiều sắc độ khác nhau được biểu đạt bằng hàng loạt các từ: *trắng bạch, trắng bệch, trắng bong, trắng dã, trắng ruột, trắng ngần, trắng ớn, trắng nõn, trắng phéch, trắng tinh, trắng toát, trắng xoá,...* nhưng chỉ có các sắc độ “*phau*”, “*lôm*” mới có khả năng đảm nhiệm vị trí “*yếu tố chỉ màu*” trong cấu trúc biểu đạt màu có hình thức láy lại hình thức âm tiết của yếu tố chỉ sắc độ. Tương tự, tiếng Việt có hàng loạt các từ biểu đạt màu đỏ với các sắc độ khác nhau: *đỏ chói, đỏ au, đỏ bừng, đỏ cách, đỏ chóa, đỏ chót, đỏ thắm, đỏ gay, đỏ hoe, đỏ hồng, đỏ khè, đỏ lôm, đỏ lự...* nhưng chỉ có các sắc độ “*quạch*”, “*doc*”, “*hoét*”, “*hòn*”, “*hây*” có khả năng láy lại để trở thành yếu tố láy trong các từ láy biểu đạt màu sắc có hình

thức láy lại yếu tố chỉ sắc độ: *đỏ hoen hoét, đỏ hon hon, đỏ hây hây, đỏ đồng doc, đỏ quành quạch...*

Láy, như chúng ta biết, là một phương thức tác động vào hình vị, tạo từ mới từ một từ tổ gốc. Sự lặp lại từng phần và toàn phần diễn ra dưới ba dạng chuyển đổi có quy tắc của ba bộ phận: âm đầu, khuôn vần và thanh điệu. Chính sự lặp lại từng phần, còn để dành chỗ cho sự chuyển đổi của các phần âm đầu và khuôn vần đã làm rộng mở những sắc thái ý nghĩa mới, khác biệt, làm “bung ra” những sắc thái ý nghĩa phong phú và đa dạng.

Chính vì vậy, đề cập đến đặc trưng cũng như giá trị ngữ nghĩa của lớp từ láy nói chung, các nhà Việt ngữ đều thừa nhận rằng, về cơ bản, ngữ nghĩa của các từ thuộc nhóm này là sự cụ thể hoá, sắc thái hóa ý nghĩa từ cơ sở. Bằng cách áp dụng phương pháp phân tích nét nghĩa trong định nghĩa về màu của các từ biểu đạt màu sắc có hình thức láy trong từ điển, chúng tôi nhận thấy rằng:

Hầu hết các từ biểu đạt màu sắc kiểu “Yếu tố chỉ màu + Yếu tố láy” dù tồn tại dưới dạng nào (láy từ, láy âm tiết) có thể được phân tích thành các nét nghĩa sau:

+ Nét nghĩa phạm trù.

+ Nét nghĩa miêu tả (nét nghĩa cụ thể, nét nghĩa so sánh).

+ Nét nghĩa đánh giá.

+ Nét nghĩa chỉ phạm vi.

Chẳng hạn:

đỏ hon hon (có màu) (đỏ) (như màu da đứa trẻ).

đỏ hây hây (có màu) (đỏ phon phớt) (vội về mờ màng) (chỉ màu da).

Như vậy, sự lặp lại toàn phần ý nghĩa của một từ tổ gốc có thể đem đến cấu trúc ngữ nghĩa hoàn toàn khác biệt giữa các từ trong nhóm với nhau. Đó là sự thiếu hụt nét nghĩa, thay đổi nét nghĩa trong cấu trúc nghĩa của mỗi từ. Có từ bao gồm các nét nghĩa tương ứng với các từ biểu đạt màu sắc khác trong hệ thống từ vựng biểu đạt màu sắc kiểu: “Yếu tố chỉ màu + Sắc độ”. So sánh “*đỏ quành quạch*” và “*đỏ quạch*”, ta thấy về cơ bản chúng có cấu trúc ngữ nghĩa giống nhau ngoại trừ việc yếu tố chỉ sắc độ trong cấu trúc ngữ nghĩa của “*đỏ quành quạch*” được đẩy đến mức độ cao hơn trong “*đỏ quạch*”. Điều này cho thấy, các từ biểu đạt màu sắc trong nhóm này đều mang nét nghĩa so sánh, đồng thời một số từ lại bao gồm cả hai thành phần:

+ Thành phần nghĩa miêu tả: với các nét nghĩa (*có màu*), (*độ màu*).

+ Thành phần nghĩa đánh giá: gây cảm giác nào đó được cảm nhận qua chủ quan của con người.

Các kiểu ngữ nghĩa này, ngoài ra còn được “*ấn định*” trong một phạm vi cụ thể, phạm vi hoạt động của từ. Chẳng hạn, những hình thức như: *xanh ngấn ngắt, trắng muôn muốt, vàng hoe hoe...* có thể được dùng để miêu tả, ứng với nhiều sự vật hiện tượng khác nhau (đồng lúa, nương dâu, bầu trời, nước da, tóc...) nhưng các hình thức như: *đen lay láy, bạc phơ phơ...* lại được sử dụng giới hạn ở một phạm vi cụ thể. Song, sự giới hạn này vẫn không làm mất đi sắc thái ngữ nghĩa mà cấu trúc nghĩa của các từ biểu đạt màu kiểu “Yếu tố chỉ màu + Yếu tố láy” mang lại, ấn tượng ngữ nghĩa đặc thù. Nói khái quát, cơ cấu ngữ nghĩa này thể hiện ở yếu tố gốc và các khuôn vần cấu tạo nên từ láy.

Với cơ cấu ngữ nghĩa như trên, ngữ nghĩa của các từ láy biểu đạt màu sắc thuộc nhóm này, về cơ bản là sự cụ thể hoá, sắc thái hoá ý nghĩa của từ tố gốc với tác dụng biểu cảm và biểu niệm khá rõ rệt.

Trước hết, cấu trúc ngữ nghĩa của các từ biểu đạt màu sắc kiểu này thường nghiêng về khuynh hướng sắc thái hoá ý nghĩa của từ tố gốc theo hướng tăng cường hoặc giảm nhẹ thuộc tính về màu - hai thể đối lập phản ánh cái mâu thuẫn thống nhất trong tự nhiên, xã hội và con người.

Nếu tính chất “đỏ” được tăng cường ở mức độ cao trong “*đỏ chói*” thì trong “*đỏ chon chót*” lại có khuynh hướng giảm nhẹ. Nói cách khác, đây là hình thức giảm nhẹ của “*đỏ chói*”. Tương tự một tính chất “*xanh*” chẳng hạn, có thể được đẩy đến mức độ cao với hình thức *xanh ngấn ngắt, xanh biêng biếc*... Và ngược lại được thể hiện với khuynh hướng giảm nhẹ thông qua hình thức: *xanh xanh*. Mặt khác, sắc thái giảm nhẹ trong cấu trúc nghĩa của các từ láy biểu đạt màu sắc ngoài giá trị biểu cảm còn có tác dụng thu hẹp hoặc giảm bớt mức độ của tính chất. Ví dụ: *trắng* → *trắng trắng*.

Ngược lại, sắc thái tăng cường lại nhấn mạnh về mặt nghĩa.

Ví dụ: *bạc phéch* → *bạc phênh phéch*.

đỏ lòm → *đỏ lòm lòm (đỏ lòm lom)*.

Như vậy, tất cả cho thấy rằng, khuynh hướng tăng cường hoặc giảm nhẹ thuộc tính về màu là một trong những đặc điểm cơ bản trong khuynh hướng ngữ nghĩa của hình thức biểu đạt màu sắc kiểu “Yếu tố chỉ màu + Yếu tố láy”. Khuynh hướng ấy được thể hiện cụ thể bằng các nét nghĩa tăng cường, nhấn mạnh vào mức độ của thuộc tính màu. Các nét nghĩa này được cụ thể hóa bằng sự lặp lại hình thức ngữ âm của yếu tố chỉ màu - các từ biểu đạt màu cơ bản.

So sánh: *đen sì* và *đen sì sì*.

xanh lè và *xanh lè lè*.

Ta có thể thấy các hình thức láy lại đều mang nét nghĩa tăng cường, nhấn mạnh ý nghĩa về màu được biểu thị ở từ cơ sở. Nói cách khác, ý nghĩa của các từ láy chỉ màu sắc về cơ bản, sắc thái hoá ý nghĩa của từ tố gốc, “thêm cho ý nghĩa của hình vị cơ sở một số sắc thái nào đó chứ không thay đổi hẳn nó” [2, tr. 42]. Và kết quả của sự sắc thái hóa là sự phong phú trong nội dung biểu đạt của lớp từ này: sự mở rộng hoặc thu hẹp thuộc tính về màu.

Khuynh hướng sắc thái hoá ý nghĩa trong các hình thức láy biểu đạt màu sắc “không chỉ có tác dụng gia tăng ý nghĩa” cho các hình thức biểu đạt màu sắc cụ thể mà còn cụ thể hóa ý nghĩa của từ tố gốc. Bởi lẽ, “sự cụ thể hoá nảy sinh do phạm vi biểu vật của hình vị cơ sở bị thu hẹp lại” [3, tr.42]. Tính từ chỉ màu “*xanh*” chẳng hạn, có thể được dùng để chỉ đặc điểm về màu sắc của nhiều sự vật hiện tượng khác nhau. Người Việt có thể ghi nhận màu sắc các sự vật hiện tượng này với cùng một tính chất về màu kiểu: *nước xanh, trời xanh, da xanh*... mặt khác, các tính chất xanh này còn

được ghi nhận gắn liền với từng sự vật hiện tượng cụ thể. *Xanh xanh* chẳng hạn, “không thay đổi về phạm vi biểu vật. Song, độ đậm nhạt có giảm đi theo ấn tượng về sự lan rộng trên bề mặt của màu xanh” [3, tr. 42]. Trong khi đó, với hình thức biểu đạt màu “*xanh xao*” thì phạm vi biểu vật của xanh đã bị thu hẹp hẳn - chỉ được dùng để nói về màu da con người. Và vì phạm vi biểu vật đã bị thu hẹp, “*xanh xao*” lại có thể gọi ra những ấn tượng, nhưng hình ảnh cụ thể mang đậm sắc thái biểu cảm - ấn tượng nhợt nhạt, thiếu sức sống.

Cùng với những ấn tượng về thuộc tính, ngữ nghĩa của hình thức biểu đạt màu sắc này còn gọi ra ấn tượng về tình cảm, thể hiện cảm nhận chủ quan của con người. Do vậy, cùng với ấn tượng về nước da nhợt nhạt, thiếu sức sống, “*xanh xao*” thường gọi lên lòng ái ngại, thương xót... trước sự vật hiện tượng mang thuộc tính về màu này. Tương tự, nếu “*đỏ*” diễn đạt mức độ và sắc thái trung tính của màu thì hình thức “*đỏ hồng hồng*” lại có ý nghĩa biểu đạt màu đỏ với mức độ cao, kèm theo đó là sắc thái biểu cảm rõ rệt. Mặt khác, cùng với sự sắc thái hoá ý nghĩa, phạm vi biểu vật của “*đỏ*” cũng bị thu hẹp hẳn, “*đỏ hồng hồng*” chỉ nói về nước da trẻ mới sinh. Điều này cũng có nghĩa là nó có thể gọi ra ấn tượng đặc thù về màu da đứa trẻ cùng với lòng thương yêu triu mến kèm theo... Nói khái quát, “cùng với ấn tượng cụ thể có các ấn tượng biểu thái (sự đánh giá, tình cảm, thái độ, cảm thị chủ quan của người nói) trong các từ láy” biểu đạt màu sắc [3, tr.43].

3. Kết luận

Hình thức biểu đạt màu sắc kiểu “Từ chỉ màu + Yếu tố láy” có thể nói là một sản phẩm cụ thể của phương thức láy. Mỗi một từ là một “nốt nhạc” chứa đựng trong mình một “âm điệu” cụ thể về thể giới màu sắc được cảm nhận thông qua thị giác kèm theo những ấn tượng về sự cảm thụ chủ quan, những cách đánh giá, thái độ... của người Việt. Có thể nói, “các từ láy nói chung và các từ láy biểu đạt màu sắc nói riêng là những công cụ tạo hình đặc lực của nghệ thuật văn học, nhất là của thơ ca” [3, tr.45].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đinh Văn Đức, “Về một cách hiểu ý nghĩa của các từ loại tiếng Việt”, *Ngôn ngữ*, (2), 1978, tr.14-18.
- [2] Đỗ Hữu Châu, *Từ vựng ngữ nghĩa Tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1981.
- [3] Đỗ Hữu Châu, *Cơ sở ngữ nghĩa học Tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999.
- [4] Nguyễn Thiện Giáp, *Từ vựng học Tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999.
- [5] Hoàng Văn Hành, “Về cấu trúc ngữ nghĩa của tính từ tiếng Việt” (*Trong sự so sánh với tiếng Nga*), *Ngôn ngữ*, (3), 1982, tr. 2-10.
- [6] Hoàng Phê, “Phân tích ngữ nghĩa”, *Ngôn ngữ*, (2), 1973, tr.10 -16.
- [7] Nguyễn Thị Thành Thắng, “Màu xanh trong thơ Nguyễn Bính”, *Ngôn ngữ và đời sống*, (11), 2001, tr. 11-12.
- [8] Chu Bích Thu, “Cơ sở trái nghĩa của một số nhóm tính từ tiếng Việt”, *Ngôn ngữ*, (2), 1991, tr. 47-55.